

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/DS-ST
Ngày: 25/9/2023
Về vụ “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** ông Nguyễn Ngọc Hoan.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** ông Nguyễn Thế Khoa và Phan Thị Thúy Hằng.
- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Công Tân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa tham gia phiên tòa:*** ông Phan Công Đồ – Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2023, tại trụ sở TAND huyện Phú Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2023/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2023/QĐST- DS ngày 07 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Đỗ H, sinh năm: 1981;

Bị đơn : bà Lê Thị Tuyết H, sinh năm: 1989;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Văn H, sinh năm: 1990;

Đồng địa chỉ: thôn Phú Sen T, xã Hòa Đình T, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên.

Bà H có mặt; bà H và ông H vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đỗ H trình bày:*

Nguyên trước đây vào ngày 04 tháng 6 Âm lịch năm 2022, bà Nguyễn Thị Đỗ H có cho bà Lê Thị Tuyết H vay số tiền 190.000.000 đồng, đến ngày 17 tháng 6 Âm lịch năm 2022, bà H tiếp tục cho bà H vay 160.00.000 đồng để làm mía. Lúc vay các bên thỏa thuận kết thúc mùa vụ mía năm 2022 (tháng 6/2022 Âm lịch) bà H trả đủ cho bà H khoản tiền vay này. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 40.000 đồng/1.000.000 đồng/1 tháng. Trong quá trình vay, bà H có trả cho bà H số tiền lãi từ tháng 6 Âm lịch

năm 2022 đến tháng 8 Âm lịch năm 2022 số tiền 42.000.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu đồng*) thì bà H không trả lãi nữa. Khi đến hạn trả tiền gốc bà H cũng không trả, nên bà H khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà H phải trả 350.000.000 đồng tiền gốc và yêu cầu tính lãi từ tháng 11/2022 đến tháng 7/2023 số tiền 52.290.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Đỗ H chỉ yêu cầu bà Lê Thị Tuyết H có trách nhiệm trả khoản tiền vốn gốc và lãi nói trên, không yêu cầu ông Lê Văn H có trách nhiệm trả.

Bị đơn bà Lê Thị Tuyết H trình bày:

Bà H thừa nhận có vay của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đỗ H số tiền 190.000.000 đồng vào ngày 04 tháng 6 (âm lịch) năm 2022 và ngày 17 tháng 6 (âm lịch) năm 2022 vay thêm 160.000.000 đồng; tổng cộng 350.000.000 đồng. Khoản tiền này, bà H vay cho cá nhân bà H để làm ăn riêng, không có liên quan đến ông Lê Văn H cũng như chồng bà H là ông Nguyễn Hùng S. Nay bà H khởi kiện đến Tòa án đề đòi khoản vay này, bà H xác nhận có vay, còn nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn H số tiền gốc 350.000.000 đồng, nhưng do làm ăn khó khăn, bà H xin trả dần tiền gốc khi công việc làm ăn ổn định.

Đối với khoản tiền lãi 52.290.000 đồng, bà H xin không trả, vì bà H không có khả năng trả số tiền này.

Trong quá trình vay, từ ngày 04 tháng 6 Âm lịch năm 2022, bà H có trả lãi cho bà H theo thỏa thuận 40.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, bà H sẽ cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ vào lần làm việc sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H trình bày: ông có xác nhận giấy vay tiền ngày 12/4/2023 là do ông viết và ký vì áp lực của bà H, không có việc ông vay số tiền này. Việc vay tiền là giữa bà Nguyễn Thị Đỗ H với bà Lê Thị Tuyết H, ông không có liên quan gì.

Tại phiên tòa: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đỗ H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về tiền gốc; về phần tính lãi suất bà yêu cầu tính lãi do hai bên thỏa thuận từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm trừ số tiền lãi đã nhận của bà H 42.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H; buộc bị đơn bà Lê Thị Tuyết H phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đỗ H số tiền vốn gốc vay còn nợ 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi theo qui định.

Về án phí: bị đơn bà Lê Thị Tuyết H phải chịu theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và bị đơn bà Lê Thị Tuyết H có địa chỉ tại xã Hòa Định T, huyện Phú H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị Tuyết H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: tuy trong giấy xác nhận nợ không thể hiện rõ thời gian vay cụ thể, nhưng nguyên đơn bà H yêu cầu và bị đơn bà H thừa nhận vào ngày 04 vay 190.000.000đồng và ngày 17 vay 160.000.000đồng của tháng 6 (âm lịch) năm 2022; tổng cộng 350.000.000 đồng; việc vay tiền giữa các đương sự có lập văn bản “*giấy mượn tiền*” viết tay. Bị đơn bà Lê Thị Tuyết H thừa nhận có nợ của bà Nguyễn Thị Đỗ H tổng cộng số tiền 350.000.000 đồng và xin trả dần vì hoàn cảnh khó; trong khi đó bà H yêu cầu trả số tiền vay còn nợ một lần và tiền lãi theo hai bên thỏa thuận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn có xuất trình chứng cứ “*giấy mượn tiền*” viết tay ghi ngày 04 và ngày 17 (âm lịch) có chữ ký của bị đơn bà H và được bị đơn bà H thừa nhận là có vay của nguyên đơn số tiền 350.000.000 đồng. Việc bị đơn đã nợ số tiền trên của nguyên đơn mà không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm hợp đồng và cho rằng đang gặp khó khăn xin trả dần. Trong khi đó nguyên đơn không chấp nhận. Việc bị đơn đưa ra nhiều lý do mà không có chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh; nên HĐXX không có cơ sở để xem xét. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán nợ là có cơ sở phù hợp với “*giấy mượn tiền*”, phù hợp quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn bà Lê Thị Tuyết H phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đỗ H số tiền vốn vay 350.000.000đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Việc bị đơn bà Lê Thị Tuyết H yêu cầu tòa đình chỉ giải quyết vụ án, vì cho rằng hai bên thỏa thuận thời gian trả nợ đến ngày 28/12/2023 (âm lịch), nhưng chưa đến ngày trả mà bà Hòa khởi kiện. Về yêu cầu này xét thấy nguyên đơn bà H cung cấp giấy mượn tiền có bị đơn bà H xác nhận không thể hiện thời hạn trả nợ, mặc khác bị đơn bà H không có chứng cứ nào khác cung cấp cho yêu cầu của mình; nên yêu cầu này không được chấp nhận.

[5] Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu trên cơ sở thỏa thuận lãi giữa hai bên thừa nhận; HĐXX xét thấy tuy việc thỏa thuận lãi suất là sự tự nguyện của hai bên nhưng vượt quá lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nên lãi suất của nguyên đơn được chấp nhận là 20%/năm tức 1,66%/tháng. Số tiền lãi xuất của

vốn gốc vay 190.000.000 đồng ngày 04/6/2022 (âm lịch) tức là ngày 02/7/022 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/9/2023 là 01 năm 02 tháng 23 ngày lãi suất 1,66%/tháng thành tiền 46.574.000 đồng và số tiền vay vốn gốc 160.000.000đồng ngày 17/6/2022 (âm lịch) tức là ngày 15/7/022 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/9/2023 là 01 năm 02 tháng 10 ngày lãi suất 1,66%/tháng thành tiền 38.069.000 đồng; tổng lãi suất 46.574.000 đồng + 38.069.000đồng = 84.643.000đồng, trừ đi số tiền lãi suất mà bà Hòa đã nhận của bà H 42.000.000đồng còn 42.643.000đồng

Vậy tổng cộng vốn gốc 350.000.000đồng + lãi 42.643.000đồng = 392.643.000đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về khoản nợ phải trả. Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí, nên hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H: Buộc bị đơn bà Lê Thị Tuyết H phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đỗ H số tiền vay còn nợ 392.643.000đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng*). Trong đó vốn vay gốc 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi 42.643.000đồng (*Bốn mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí:

Bị đơn bà Lê Thị Tuyết H phải chịu 19.632.000 đồng (*Mười chín triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đỗ H số tiền 10.026.000đồng (*Mười triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai số: 0009499 ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND, THADS huyện Phú Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hoan

